

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v cung cấp thông tin về tiềm năng
và kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn
2021-2025.

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 8706/BNN-TCLN ngày 11/12/2020 về việc đề nghị cung cấp thông tin về tiềm năng và kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

1. Hiện trạng về diện tích, số lượng cây xanh trồng phân tán trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 937,87 ha, trong đó:

a) Khu vực đô thị, khu công nghiệp, trường học: 367,97 ha;

- Cây xanh sử dụng công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa,...); cây xanh cảnh quan ven sông, hồ,...): 37,88 ha.

- Cây xanh đường phố: 114,98ha;

- Cây xanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khuôn viên công sở, nhà máy, doanh trại: 167,46 ha;

- Cây xanh chuyên dụng khác: 47,65ha.

b) Khu vực nông thôn : 569,90 ha;

2. Dự kiến kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025 là: 2.489,14ha; trong đó:

a) Khu vực đô thị, khu công nghiệp, trường học: 456,90 ha;

- Cây xanh sử dụng công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa,...); cây xanh cảnh quan ven sông, hồ,...): 65,28 ha.

- Cây xanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khuôn viên công sở, nhà máy, doanh trại: 260,95 ha

- Cây xanh đường phố: 89,15 ha;

- Cây xanh chuyên dụng khác: 41,52 ha.

b) Khu vực nông thôn : 2.032,24 ha;

3. Dự kiến diện tích trồng mới rừng phòng hộ giai đoạn 2021-2025: 190 ha.

(chi tiết có biểu kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

BIỂU CUNG CẤP THÔNG TIN TRỒNG CÂY PHÂN TÁN

(Ban hành kèm theo Văn bản số / của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	ĐVT (Ha)	Hiện trạng năm 2020	Tiềm năng, dự kiến KH trồng cây xanh giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
I	Trồng cây phân tán		937.87	2.489.14	
1	Khu vực đô thị, khu công nghiệp, trường học		367.97	456.90	
1.1	Cây xanh sử dụng công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa,...); cây xanh cảnh quan ven sông, hồ,...)		37.88	65.28	
1.2	Cây xanh đường phố		114.98	89.15	
1.3	Cây xanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khuôn viên công sở, nhà máy, doanh trại,...		167.46	260.95	
1.4	Cây xanh chuyên dụng khác		47.65	41.52	
2	Khu vực nông thôn		569.90	2.032.24	
2.1	Diện tích đất vườn, nương rẫy, trang trại, đất nông lâm kết hợp, đất trồng cây công nghiệp cần trồng cây phân tán che bóng,.		306.30	1.614.00	
2.2	Đất ven đường giao thông nông thôn, ven sông, hồ, kênh mương,		198.30	455.04	
2.3	Đất bờ vùng, bờ đồng, các mảnh đất nhỏ phân tán khác có diện tích dưới 0,3 ha.		65.30	183.20	
II	Dự kiến diện tích trồng rừng phòng hộ và trồng mới rừng sản xuất		35.00	190.00	
1	Trồng rừng phòng hộ		35.00	190.00	
2	Trồng mới rừng sản xuất				

Ghi chú: Đối với cây xanh trồng phân tán quy đổi 1.000 cây= 01ha. Đối với trồng rừng tập trung: không bao gồm trồng rừng thay thế và trồng lại rừng sản xuất (trồng tái canh sau khai thác gỗ).